

Trường THCS Phan Chu Trinh

Tổ: Toán Tin

ĐỀ CƯƠNG CUỐI HỌC KÌ II - TOÁN 6 – NĂM HỌC: 2025-2026

I/LÝ THUYẾT: Các em ôn tập các bài trong chương 5, 6, 8, 9 Toán 6-Tập hai

I. SỐ HỌC.

1. Phân số

–Khái niệm phân số: Phân số có dạng $\frac{a}{b}$, trong đó $a, b \in \mathbb{Z}$, $b \neq 0$; a là tử số, b là mẫu số

–Hai phân số bằng nhau: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ nếu $a \cdot d = b \cdot c$

–Các phép toán về phân số:

+Phép cộng và phép trừ:

.Cùng mẫu: $\frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m}$.Khác mẫu: Quy đồng mẫu số rồi mới cộng hoặc trừ.

+Số đối: Số đối của $\frac{a}{b}$ là $-\frac{a}{b}$ sao cho $\frac{a}{b} + (-\frac{a}{b}) = 0$

+Phép nhân: $\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{a \cdot c}{b \cdot d}$ **+Phép chia:** $\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c}$

–Giá trị phân số của một số:

Bài toán 1: Tìm giá trị phân số của một số cho trước: Muốn tìm $\frac{m}{n}$ của số a , ta tính: $a \cdot \frac{m}{n}$

Bài toán 2: Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó.

Muốn tìm một số khi biết $\frac{m}{n}$ của nó bằng b , ta tính: $b : \frac{m}{n}$

– Hỗn số.

2. Số thập phân

– Số thập phân, các phép tính với số thập phân Phân số thập phân là phân số có mẫu là lũy thừa của 10. Số thập phân gồm phần số nguyên (viết bên trái dấu phẩy) và phần thập phân (viết bên phải dấu phẩy).

- **Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân :** Thực hiện tương tự như số tự nhiên nhưng cần lưu ý vị trí dấu phẩy và quy tắc dấu (giống như với số nguyên).
- **Tính chất:** Có đầy đủ các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng.
Làm tròn: Nếu chữ số ngay bên phải hàng quy tròn nhỏ hơn 5 thì giữ nguyên; nếu từ 5 trở lên thì tăng hàng làm tròn thêm 1 đơn vị và thay các chữ số sau đó bằng số 0 (hoặc bỏ đi nếu ở phần thập phân).
- **Ước lượng:** Sử dụng việc làm tròn để dự đoán nhanh kết quả các phép tính thực tế.
- **Tỉ số:** Tỉ số của a và b là thương của phép chia a cho b ký hiệu $a : b$ hoặc $\frac{a}{b}$

- **Tỉ số phần trăm:** Tỉ số của hai số được viết dưới dạng mẫu số là 100, ký hiệu là %
– Muốn tính tỉ số phần trăm của a và b ta tính: $\frac{a.100}{b}\%$.

II. HÌNH HỌC

- Nhận biết được hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng.
- Xác định và vẽ được trục đối xứng và tâm đối xứng của hình (nếu có).

- **Điểm:** Dùng các chữ cái in hoa (A, B, C...) để đặt tên.
- **Đường thẳng:** Đi qua hai điểm phân biệt, không bị giới hạn về hai phía.
- **Ba điểm thẳng hàng:** Khi chúng cùng thuộc một đường thẳng.
- **Tia:** Hình gồm điểm gốc O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O.
- **Đoạn thẳng AB:** Hình gồm điểm A, B và tất cả các điểm nằm giữa A, và B.
- **Trung điểm của đoạn thẳng:** Là điểm nằm giữa hai đầu mút và cách đều hai đầu mút đó.
- **Góc:** Hình gồm hai tia chung gốc. Góc chung là đỉnh, hai tia là hai cạnh của góc.

- Biết vẽ đoạn thẳng và đo độ dài đoạn thẳng; so sánh hai đoạn thẳng, vẽ trung điểm của đoạn thẳng
- Giải được bài toán tính độ dài đoạn thẳng.

III. MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT.

- Phép thử nghiệm – sự kiện: +Liệt kê được các kết quả có thể xảy ra của một phép thử nghiệm
+ Nhận biết được các sự kiện chắc chắn, không thể và có thể xảy ra

II/BÀI TẬP:

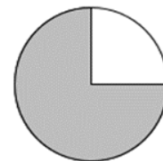
A. TRẮC NGHIỆM:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong các câu sau:

SỐ VÀ ĐẠI SỐ

Câu 1. Phần tô màu trong hình sau biểu diễn phân số nào?

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{5}{8}$



Câu 2. Viết số nguyên a dưới dạng phân số ta được:

- A. $\frac{0}{a}$. B. $\frac{a}{0}$. C. $\frac{a}{1}$. D. $\frac{1}{a}$

Câu 3. Phân số bằng với phân số $\frac{-6}{9}$ là: A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{6}{9}$ C. $\frac{9}{-6}$ D. $\frac{-2}{3}$

Câu 4. Số x thỏa mãn $\frac{x}{8} > \frac{-7}{8}$ là

- A. $x = -8$. B. $x = -9$. C. $x = -10$. D. $x = 0$.

Câu 5. Tổng $\frac{-7}{5} + \frac{-1}{5}$ bằng A. $\frac{-8}{10}$. B. $\frac{7}{25}$. C. $\frac{-8}{5}$. D. $\frac{8}{10}$.

Câu 6. Hiệu $\frac{2}{11} - \frac{9}{-11}$ bằng A. 1. B. -1. C. $\frac{7}{11}$. D. $-\frac{7}{11}$.

Câu 7. Kết quả của phép nhân $\frac{-3}{2} \cdot \frac{-5}{3}$ là **A.** $\frac{-5}{2}$. **B.** $\frac{5}{2}$. **C.** $\frac{8}{5}$. **D.** $-\frac{8}{5}$.

Câu 8. $\frac{6}{5}$ của 75m là **A.** 80m . **B.** 85m . **C.** 90m . **D.** 95m .

Câu 9. Biết $\frac{2}{5}$ số bi của Lâm là 30 viên. Hỏi Lâm có bao nhiêu viên bi?

A. 75. **B.** 18. **C.** 20. **D.** 73.

Câu 10. Hỗn số $5\frac{7}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân là: **A.** 5,7. **B.** 5,007. **C.** 5,07. **D.** 0,57.

Câu 11. Số thập phân $-3,45$ viết dưới dạng phân số là **A.** $\frac{-3,45}{100}$. **B.** $\frac{-3,45}{10}$ **C.** $\frac{-345}{100}$ **D.** $\frac{345}{100}$

Câu 12: Thực hiện phép tính: $12,3 + 5,67$, ta được kết quả nào sau đây?

A. 17,79 **B.** 17,97 **C.** 7,79 **D.** 6,63

Câu 13: Thực hiện phép tính: $3,176 - (2,104 + 1,18)$, ta được kết quả nào sau đây?

A. 0,108 **B.** $-0,108$ **C.** 1,08 **D.** $-1,08$

Câu 14: Thực hiện các phép tính sau: $(-45,5) \cdot 0,4$ ta được kết quả là:

A. 18,2 **B.** $-18,2$ **C.** -182 **D.** $-1,82$

Câu 15: Chia đều sợi dây dài 13dm thành 4 phần bằng nhau, độ dài mỗi sợi dây là (Kết quả làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất):

A. 3,25; **B.** 3,4; **C.** 3,3; **D.** 3,2

Câu 16: Khối lượng vitamin C trung bình trong một quả ớt chuông là 0,135 g, còn trong một quả cam là 0,045 g. Khối lượng vitamin C trong quả ớt chuông gấp bao nhiêu lần trong quả cam?

A. 2 lần **B.** 3 lần **C.** 4 lần **D.** 5 lần

Câu 17: Số 3,248 được làm tròn đến hàng phần mười là:

A. 3,3. **B.** 3,1. **C.** 3,2. **D.** 3,5.

Câu 18: Số 123,6571 được làm tròn đến hàng phần trăm là:

A. 123,65. **B.** 123,66. **C.** 123,7. **D.** 123,658.

Câu 19: Tính: 25% của 12 bằng

A. 2 **B.** 3 **C.** 4. **D.** 6

Hình học

Câu 1. Trong các hình sau, hình nào có đường nét đứt **không** là trục đối xứng?



A.



B.



C.



D.

Câu 2. Chữ cái nào sau đây, **không** có tâm đối xứng?

A. H

B. O

C. K

D. I

Câu 3. Trong các hình vẽ sau, hình có tâm đối xứng là:

- A. Tam giác đều B. Cánh quạt
C. Trái tim D. Cánh diều



Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

Câu 4. Biển báo giao thông nào sau đây **không** có trục đối xứng?

A.



B.



C.



D.



Câu 5. Chữ cái nào sau đây, có tâm đối xứng?

A. C

B. A

C. N

D. U

Câu 6 Hình nào dưới đây **không** có trục đối xứng?

A. Hình thang, hình bình hành.

B. Hình thoi, lục giác đều.

C. Hình chữ nhật, hình tròn.

D. Hình thang cân, tam giác đều.

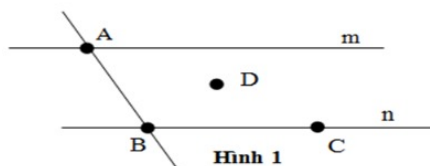
Câu 7. Cho hình vẽ sau. Chọn câu **Sai**.

A. $D \in m$

B. $B \notin m$

C. $A \in m$

D. $C \in m$



Hình 1

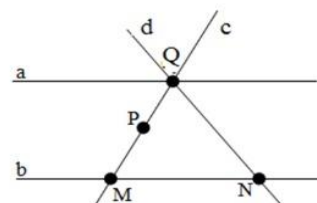
Câu 8. Cho hình vẽ sau. Điểm Q thuộc những đường thẳng nào?

A. a

B. a; b; c

C. a; c; d

D. b; c; d



đường

Câu 9. Các tia gốc A là

A. Ax và AB

B. xA và Ay

C. Ax và By

D. yA và Bx



Câu 10: Chọn câu **đúng**.

A. Nếu ba điểm cùng thuộc một đường thẳng thì ba điểm đó không thẳng hàng

B. Nếu ba điểm không cùng thuộc một đường thẳng thì ba điểm đó thẳng hàng

C. Nếu ba điểm cùng thuộc một đường thẳng thì ba điểm đó thẳng hàng

D. Cả ba đáp án trên đều sai.



Câu 11. Bộ ba điểm thẳng hàng là:

A. Điểm A, B, D

B. Điểm A, B, C

C. Điểm B, C, D

D. Điểm A, C, D

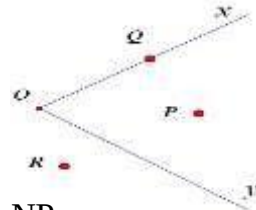
Câu 12. Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành mấy tia?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6
- Câu 13:** Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi:
 A. M nằm giữa A, B và $MA = MB$ B. $MA = MB$. C. M nằm giữa A và B D. $MA = AB$

Câu 14: Đoạn thẳng MN dài 10cm . Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng MN . Khi đó, đoạn thẳng MI dài:
 A. 5cm . B. 5dm . C. $2,5\text{cm}$. D. $2,5\text{dm}$.

Câu 15: Cho I là trung điểm của đoạn thẳng MN . Biết $NI = 8\text{cm}$. Khi đó, độ dài của đoạn thẳng MN bằng
 A. 4cm B. 16cm C. 21cm D. 24cm

Câu 16: Cho hình vẽ. Các điểm nằm bên trong góc xOy là
 A. Điểm P B. Điểm Q C. Điểm R D. Điểm Q và R



Câu 17: Cho góc MNP . Đỉnh và các cạnh của góc là

- A. đỉnh là M , các cạnh là MN, MP B. đỉnh là N , các cạnh là MN, NP
 C. đỉnh là N , các cạnh là NM, NP D. đỉnh là P , các cạnh là PN, PM

CHƯƠNG 9: MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT

Câu 1: Trong hộp có 4 lá thăm bằng giấy có hình dạng và kích thước giống nhau được đánh số từ 1 đến 4. Lấy ra 1 lá thăm từ hộp. Hỏi sự kiện nào sau đây **không thể** xảy ra?

- A. Rút được lá thăm ghi số chẵn B. Rút được lá thăm ghi số lẻ
 C. Rút được lá thăm ghi số nhỏ hơn 5 D. Rút được lá thăm ghi số là bội của 5

Câu 2: Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra của phép thử nghiệm tung một đồng xu?

- A. 1 B. 0 C. 2 D. 3

Câu 3: Một hộp có 5 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số 1, 2, 3, 4, 5; hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một thẻ. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra là

- A. $\{1; 2; 3; 4; 5\}$ B. $\{1; 2\}$ C. $\{1; 2; 3\}$ D. $\{4; 1; 2; 3\}$

Câu 4: Gieo một con xúc xắc 6 mặt thì

- A. Sự kiện số chấm là ước của 7 chắc chắn xảy ra. B. Sự kiện số chấm nhỏ hơn 7 chắc chắn xảy ra.
 C. Sự kiện số chấm là 7 không thể xảy ra. D. Sự kiện số chấm chia hết cho 6 có thể xảy ra.

Câu 5: Nam có 3 hộp bút với 3 màu: xanh, đỏ, tím. Nam cho Nga 2 hộp. Hỏi 2 hộp đó có thể là hộp với những màu nào? Chọn đáp án đúng nhất:

- A. Xanh và đỏ, xanh và tím. B. Xanh và đỏ, xanh và tím, đỏ và tím.
 C. Xanh và đỏ, đỏ và tím. D. Xanh và đỏ, xanh và tím, đen và tím.

Câu 6: Phép thử nghiệm: Bạn Ngô chọn một ngày trong tuần để đá bóng. Có tất cả bao nhiêu kết quả có thể xảy ra của phép thử nghiệm này.

- A. 5. B. 6. C. 7. D. 4.

Câu 7: Gieo một con xúc xắc, số chấm trên con xúc xắc là bao nhiêu để sự kiện “số chấm xuất hiện là số nguyên chia hết cho 3” chắc chắn xảy ra?

- A. $1; 3$. B. $3; 5$. C. $3; 6$. D. $1; 3; 6$.

Câu 8. Trong một hộp bút có 5 cái bút màu khác nhau, 2 cái bút bi khác nhau và 1 cái bút mực. Dương không nhìn vào hộp và lấy ra 1 cái bút bất kì. Hỏi có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra?

A. 4.

B. 8.

C. 7.

D. 3.

Câu 9. Trong một hộp có 2 viên bi màu xanh và 3 viên bi màu đỏ có kích thước như nhau. An cần lấy ra đồng thời ít nhất mấy viên bi trong hộp để sự kiện “An lấy được ít nhất 1 viên bi màu đỏ” chắc chắn xảy ra?

A.1

B.2

C.3

D. 4

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Đánh dấu “X” vào ô Đúng hoặc Sai.

Câu 1. Một cửa hàng đang giảm giá 25% cho một chiếc áo có giá ban đầu 240 000 đồng . Hãy xác định Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
a) Số tiền giảm giá của chiếc áo là 60 000 đồng .		
b) Giá bán sau khi giảm là 180 000 đồng .		
c) Tỉ số giữa số tiền giảm và giá ban đầu là 0,25 .		
d) Nếu giảm 25% thì giá bán sau giảm luôn bằng 75% giá ban đầu.		

Câu 2. Cho bốn số A, B, C, D biết $A=3; B=-12; C=2,5; D=100$

Khẳng định :	Đúng	Sai
Xét tính đúng sai các khẳng định sau:	Đúng	Sai
a) Tỉ số phần trăm giữa hai số A và B là -50%	☐	☐
b) Tỉ số của hai số B và A là một số nguyên	☐	☐
c) Tỉ số giữa số D và C là $\frac{D}{C}=4$	☐	☐

Câu 3. Cho biểu thức: $A = 3,5 + (-2,3)$ và $B = 7,2 : (-2)$.

Hãy xác định Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
a) $A = 1,2$		
b) $B = 3,6$		
c) $A + B = -2,4$		
d) Tỉ số của A và B là $\frac{1}{2}$		

Câu 4. Cho Hình vẽ:



Xét tính đúng sai các khẳng định sau:

Khẳng định :	Đúng	Sai
a) Điểm A thuộc đường thẳng d .		
b) Điểm A nằm giữa hai điểm B và C.		
c) Hai tia AB và BC là hai tia chung gốc.		
d) Cho $AB = 2\text{cm}$, $AC = 5\text{cm}$ thì B là trung điểm đoạn thẳng AC.		

Câu 5. Trên tia Ox, lấy hai điểm A, B và sao cho $OA = 3\text{cm}$; $OB = 7\text{cm}$.

Xét tính đúng sai các khẳng định sau:

Khẳng định :	Đúng	Sai
a) Điểm A nằm giữa hai điểm O và B;		
b) Độ dài đoạn thẳng AB là 10cm ;		
c) Nếu lấy điểm I là trung điểm của đoạn thẳng OA thì $OI = 1,5\text{cm}$;		
d) Nếu lấy điểm K là trung điểm của đoạn thẳng AB thì $KB = 2,5\text{cm}$;		

Câu 6. Một túi có 7 viên bi xanh, 4 viên bi đỏ. Không nhìn vào túi, Bình lấy ra liên tục 8 viên bi.

Xét tính đúng sai các mệnh đề sau:	Đúng	Sai
a) Bình chắc chắn lấy được 4 viên bi đỏ.	☐	☐
b) Bình chắc chắn lấy được 7 viên bi xanh.	☐	☐
c) Bình chắc chắn lấy được cả bi xanh và bi đỏ.	☐	☐
d) Bình chắc chắn lấy được 8 viên bi xanh.	☐	☐

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1. a/Tìm 35% của 80.

Trả lời:

b/ Biết 75% của quả dưa hấu nặng 3kg. Hỏi quả dưa hấu nặng bao nhiêu kg?

Trả lời:

c/ Một quyển sách có giá 48 000 đồng. Tìm giá mới của quyển sách sau khi giảm giá 15%;

Trả lời:

Câu 2. Tìm x, biết: $2,5 + 3 \cdot x = 3,7$

Trả lời:

Câu 3. Một lớp có 40 học sinh, trong đó có $\frac{3}{5}$ là học sinh nữ. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh nam?

Trả lời:(học sinh)

Câu 4. a/ Tính tỉ số phần trăm của 24kg và 3 tạ.

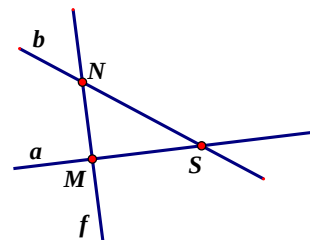
Trả lời:

b/ Tỉ số của hai đại lượng $0,12 \text{ m}^2$ và 420 dm^2 bằng $\frac{1}{m}$. Khi đó m^2 bằng bao nhiêu?

Trả lời:

Câu 5 Đường thẳng a chứa những điểm nào?

Trả lời:



Câu 6: Đoạn thẳng BC dài 10cm. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng BC. Khi đó, đoạn thẳng IC dài:

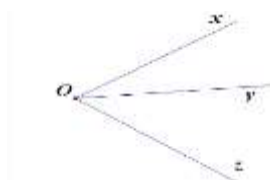
Trả lời:

Câu 7: Cho O là trung điểm của đoạn thẳng MN. Biết $NO = 8\text{cm}$. Khi đó, độ dài của đoạn thẳng MN bằng

Trả lời:

Câu 8 : Trong hình vẽ bên có bao nhiêu góc?

Trả lời:



Câu 9. Quan sát mặt đồng hồ dưới đây. Số vạch chỉ số trên mặt đồng hồ **không** nằm trong góc tạo bởi kim giờ và kim phút là bao nhiêu?



Trả lời:

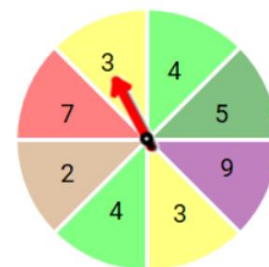
Câu 10: Một con xúc xắc 6 mặt cân đối được tung một lần. Có bao nhiêu kết quả để sự kiện “Số chấm hiện ra lớn hơn 4” xảy ra là:

Trả lời:(kết quả).

Câu 11. Cho tám bìa như hình sau:

Khi Minh quay tám bìa thì có bao nhiêu kết quả có thể để sự kiện “Mũi tên chỉ vào ô có chữ số lớn hơn 4” xảy ra? (Không tính các kết quả khi mũi tên nằm trên vạch trắng giữa các ô).

Trả lời:(kết quả)



B. TƯ LUÂN

I. SỐ VÀ ĐẠI SỐ

Câu 1: Thực hiện các phép tính sau:

- | | | | |
|------------------------|---------------------|--------------------------|--------------------------|
| a) $12 - (-0,8)$ | b) $(-0,12) + 7,81$ | e) $(-0,125) \cdot 5,24$ | f) $(-14,35) + (-15,65)$ |
| c) $(-2,4) \cdot 1,25$ | d) $(-5,85) : 2,25$ | g) $(-1,246) : (-0,28)$ | h) $2,15 - (-0,6 + 0,1)$ |

Câu 2: Tính bằng cách hợp lí:

- a) $(-12,45) + 23,4 + 12,45 + (-13,4)$; b) $32,18 + 4,125 + (-14,6) + (-32,18) + 14,6$;
c) $12,25 \cdot (-4,5) + (-4,5) \cdot 17,75$; d) $0,25 \cdot 13 \cdot (-2) \cdot 4 \cdot (-5)$;

Câu 3: Làm tròn các số sau đây: $-1736,4873$; $1539,54726$

- a) đến hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm.
b) đến hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn.

Câu 4: a) Viết các số thập phân sau đây dưới dạng tỉ số phần trăm: $0,78$; $-0,03$; $-8,26$.

b) Viết các tỉ số phần trăm sau dưới dạng số thập phân: -7% ; 65% ; -821% .

c/ Tìm số x biết 15% của x là 300

Câu 5: Tổng số học sinh khối 6 của một trường là 300 học sinh, trong đó có 120 học sinh nam. Tính tỉ số phần trăm của số học sinh nữ so với số học sinh của khối.

Câu 6: a/ Mẹ bạn Linh gửi 500 triệu đồng vào ngân hàng theo hình thức không kì hạn với lãi suất $0,6\%$ một năm. Sau 150 ngày, khi rút ra mẹ bạn Linh nhận được bao nhiêu tiền cả vốn lẫn lãi?

b/ Bác Tám gửi 50 triệu đồng vào ngân hàng theo hình thức có kì hạn 12 tháng với lãi suất 8% một năm. Hỏi sau một năm bác Tám nhận được bao nhiêu tiền lãi?

Câu 7: Lớp 6A có 40 học sinh được xếp thành ba loại: giỏi, khá, trung bình, trong đó số học sinh giỏi chiếm $\frac{1}{5}$ số học sinh cả lớp, số học sinh khá bằng 60% số học sinh trung bình.

a/ Tính số học sinh giỏi của lớp 6A. b/ Tính tỉ số phần trăm số học sinh khá so với số học sinh cả lớp.

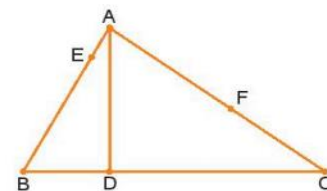
Câu 8. Một thùng chứa 60kg gạo. Lần thứ nhất, người ta lấy đi $\frac{2}{5}$ số gạo đó. Lần thứ hai người ta lấy đi 25% số gạo còn lại. Hỏi cuối cùng thùng còn lại bao nhiêu kg gạo.

Câu 9: Hãy gọi tên các đường thẳng, đoạn thẳng, tia có trong các hình dưới đây:



Câu 10: Quan sát hình bên và cho biết:

- a) Có những bộ ba điểm thẳng hàng nào? Điểm D nằm giữa hai điểm nào?
- b) Hãy vẽ điểm K sao cho K là điểm vừa nằm giữa hai điểm A và D vừa nằm giữa hai điểm B và F.



Câu 11: Cho hai điểm A và B. Hãy vẽ thêm điểm C sao cho ba điểm A, B, C thẳng hàng và điểm A, B nằm cùng phía đối với điểm C.

Câu 12: Vẽ hình trong mỗi trường hợp sau:

- a/ Đường thẳng b cắt đường thẳng a tại M.
- b/ Đường thẳng AB cắt tia Oy tại E.
- c/ Vẽ đường thẳng xy song song với đường thẳng zt

Câu 13: Vẽ tia Ax, lấy điểm B sao cho $AB = 6 \text{ cm}$. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính độ dài đoạn thẳng AI và IB?

Câu 14: Cho đoạn thẳng $AB = 8 \text{ cm}$. Gọi M nằm giữa 2 điểm A và B sao cho $AM = 4 \text{ cm}$.

a/ Tính độ dài đoạn thẳng MB.

b/ Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?

Câu 15: Vẽ góc xAy. Hãy chỉ ra đỉnh và các cạnh của góc xAy.

Câu 16: Trong thùng có 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng chuyền và 1 quả bóng đá. Bình không nhìn vào thùng lấy 1 quả bóng từ thùng. Hãy liệt kê tất cả các kết quả có thể xảy ra.

Câu 17: Trong hộp có 4 quả bóng xanh, 3 quả bóng đỏ và 1 quả bóng vàng. Phương lấy ra 5 bóng từ hộp. Hỏi các sự kiện sau là chắc chắn, không thể hay có thể xảy ra?

- a) 5 quả bóng lấy ra có cùng màu.
- b) Có ít nhất 1 bóng xanh trong 5 quả bóng lấy ra.
- c) 5 quả bóng lấy ra có đủ cả 3 màu xanh đỏ và vàng.

Câu 18: Trong hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ và 1 quả bóng trắng. Chọn ra từ hộp 1 quả bóng. Hãy đánh giá xem các sự kiện sau là chắc chắn, không thể hay có thể xảy ra.

- a) Bóng chọn ra có màu xanh.
- b) Bóng chọn ra không có màu xanh.
- c) Bóng chọn ra có màu vàng.
- d) Bóng chọn ra không có màu tím.

-----Chúc các con thi tốt!-----